

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 439/2018/HNGĐ-ST

Ngày 08-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn giữa
chị C và anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Kim Linh

Bà Huỳnh Thị Hồng Nho

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 289/2018/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 405/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 và thông báo về việc mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm số 501/2018/TB-TA ngày 23/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Tổ 6, ấp Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân châu, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Tổ 65, ấp Hà Bao 1, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ 6, ấp Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ly hôn đề ngày 05/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị C và anh N không quen biết nhau trước, do mai mối và sau đó được sự đồng ý của cha, mẹ hai bên gia đình dẫn đến kết hôn vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/2011 (theo bản sao giấy trích lục kết hôn số 51/LKH-BS ngày 05/7/2018 do UBND xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Văn N). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, hiện chị C và anh N đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, chị C và anh N có liên hệ nhau và gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng về sống chung với nhau nhưng không sống chung với nhau được và kể cả gia đình cha chồng và cha, mẹ ruột chị C cũng có gặp nhau để bàn bạc cho vợ chồng chị về sống chung lại với nhau nhưng vẫn không thành. Nay chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung với nhau được và chị C xin ly hôn với anh N.

- *Về con chung*: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 19/10/2011 hiện chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 30/7/2018, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Thống nhất với lời khai của chị C về thời gian kết hôn và chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và có tổ chức lễ cưới như trình bày trên của chị C. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, hiện anh N và chị C đã sống ly thân và thời gian ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay chị C yêu cầu ly hôn thì anh N đồng ý ly hôn với chị C.

- *Về con chung*: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 19/10/2011 hiện chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh N đồng ý giao cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh N đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh N có nộp bản tự khai ngày 30/7/2018 và có đơn xin vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; xét xử khi giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Nguyễn Thị Kim C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 72, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 11, 90, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C với anh Nguyễn Văn N; về nuôi con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 19/10/2011 hiện chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị C và anh N về việc giao con chung Nguyễn Văn P, sinh ngày 19/10/2011 cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Kim C chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Kim C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 6, ấp Vĩnh Khánh, xã

Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, anh N có đơn yêu cầu vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; xét xử khi giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh N tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/2011 (theo bản sao giấy trích lục kết hôn số 51/LKH-BS ngày 05/7/2018 do UBND xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Văn N). Tại thời điểm kết hôn chị C và anh N đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị C và anh N chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị C trình bày do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau và mâu thuẫn vẫn kéo dài, không hòa giải được. Chị C và anh N đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh N và anh N đồng ý ly hôn với chị C. Hội đồng xét xử nhận thấy sự thỏa thuận đồng ý ly hôn của chị C và anh N không trái pháp luật nên căn cứ Điều 90 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Văn N.

[3] Về nuôi con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 19/10/2011 hiện chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C và anh N thống nhất thỏa thuận giao cho chị C tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 19/10/2011. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Chị C tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh N trong việc đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu

của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo trình bày của chị C và anh N không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Kim C chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004746 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 11, 90, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Văn N.

2. *Về nuôi con chung:* Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2011 hiện chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị C và anh N giao cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2011 cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị C tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh N trong việc đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu

của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, chị C và anh N không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Kim C chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004746 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã Vĩnh Hòa;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dấm